

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **42/2022/DS-ST**

Ngày: 26-9-2022.

*“V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Bà Hà Thị Lệ Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Trần Ngọc Nhiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST- DS, ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXX-DS, ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội.

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Ngọc Tân, sinh năm 1982. Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ số 64 Nguyễn Thái Bình, khu phố Phước Hưng 1, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội – có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh M, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Minh Dũng A, xã Minh T, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 01 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trương Ngọc Tân trình bày:

Năm 2014 bà Nguyễn Thị Ánh M (gọi tắt là bà M) có vay Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (gọi tắt là ngân hàng) 02 lần, với số tiền 42.000.000 đồng, cụ thể:

+ Theo mã món vay số: 6600000701320980 ngày 13/5/2014 số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay Hộ sản sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn. Tính lãi đến ngày 26/9/2022 là 19.173.145 đồng. Bà M có trả nợ lãi được số tiền 19.173.145đ – 10.700.552đ = 8.472.593 đồng. Như vậy, bà M còn nợ ngân hàng số tiền 38.472.593 đồng (trong đó nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi là 8.472.145 đồng).

+ Theo mã món vay số: 6600000701773390 ngày 23/6/2014 số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Mục đích vay Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn. Tính lãi đến ngày 26/9/2022 là 6.676.985 đồng. Bà M có trả nợ lãi được số tiền 6.676.985đ – 1.517.600đ = 5.159.385 đồng. Như vậy, bà M còn nợ ngân hàng số tiền 17.159.385 đồng (trong đó nợ gốc 12.000.000 đồng, nợ lãi là 5.159.385 đồng).

Từ khi vay đến ngày 26/9/2022 bà M có trả tiền lãi cho ngân hàng đối với hai món vay trên được số tiền 12.218.152 đồng.

Đại diện ngân hàng ông Trương Ngọc Tân (gọi tắt là ông Tân) yêu cầu bà M trả tiền gốc 42.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 26/9/2022, tổng cộng 55.631.978 đồng (trong đó nợ gốc 42.000.000 đồng và nợ lãi 13.631.978 đồng); tính tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký từ ngày 27/9/2022 đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh M được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, từ tháng 8/2014 đến 01/2016 bà M có trả tiền lãi cho ngân hàng đối với 02 hợp đồng vay trên được số tiền 4.653.600 đồng và trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì bà M có đóng tiền lãi tiếp cho ngân hàng hàng tháng, được số tiền 7.564.552 đồng, tổng cộng bà M trả tiền lãi cho ngân hàng là 12.218.152 đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện ngân hàng ông Tân không yêu cầu ông Nguyễn Văn C (chồng bà M) trả nợ và không đồng ý đề cử Nguyễn Thị Thọ (mẹ bà M) trả nợ thay cho bà M. Ông Tân yêu cầu bà M trả nợ cho ngân hàng tổng số tiền 55.631.978 đồng (trong đó nợ gốc 42.000.000 đồng và nợ lãi 13.631.978 đồng) và tính tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký từ ngày 27/9/2022 đến khi bà M thanh toán dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện, chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà M phải trả cho ngân hàng tiền vay gốc là 42.000.000 đồng, lãi suất 13.631.978 đồng. Đồng thời buộc bà M phải chịu lãi suất theo thỏa thuận của hai hợp đồng vay mà các bên đã ký, từ ngày 27/9/2022 đến khi bà M thanh toán dứt nợ.

Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà M không có yêu cầu phản tố, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn bà M.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn ngân hàng chính sách xã hội với bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh M là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Cụ thể ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu bà M trả tiền vay gốc là 42.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 26/9/2022 là 13.631.978 đồng; đồng thời tính tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký từ ngày 27/9/2022 đến khi bà M thanh toán xong nợ.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng đòi bị đơn bà M trả tiền vay còn thiếu là 42.000.000 đồng, mà không đồng ý cử Nguyễn Thị Thọ (mẹ bà M) trả nợ thay cho bà M, không yêu cầu ông Nguyễn Văn C (chồng bà M) cùng với bà M trả nợ cho ngân hàng, HĐXX nhận

thấy: Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên chấp nhận, không xem xét nghĩa vụ của cụ Nguyễn Thị Thọ, ông Nguyễn Văn C trong vụ án này. Trong năm 2014 bà M có ký hợp đồng vay ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng 02 lần, cụ thể:

+ Theo mã món vay số: 6600000701320980 ngày 13/5/2014 số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Tính lãi đến ngày 26/9/2022, bằng số tiền 19.173.145 đồng, bà M có trả tiền lãi được số tiền $19.173.145đ - 10.700.552đ = 8.472.593$ đồng. Hiện bà M còn nợ ngân hàng số tiền 38.472.593 đồng (nợ gốc 30.000.000đ, lãi trong hạn 6.060.325đ, lãi quá hạn 2.412.268đ).

+ Theo mã món vay số: 6600000701773390 ngày 23/6/2014 số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Tính lãi đến ngày 26/9/2022 là 6.676.985 đồng, bà M có trả nợ lãi được số tiền $6.676.985đ - 1.517.600đ = 5.159.385$ đồng. Hiện bà M còn nợ ngân hàng số tiền 17.159.385 đồng (nợ gốc 12.000.000đ, lãi trong hạn 4.957.709đ, lãi quá hạn 201.676đ).

Từ khi vay cho đến ngày 26/9/2022 bà M có trả tiền lãi cho ngân hàng đối với hai khoản vay trên được số tiền 12.218.152 đồng, việc này được đại diện nguyên đơn thừa nhận là đúng. Tại biên bản lấy lời khai cùng ngày 02/8/2022 của ông Nguyễn Văn C (chồng bà M), của cụ Nguyễn Thị Thọ (mẹ bà M) đều trình bày trong năm 2014 bà M có vay ngân hàng tổng số tiền gốc 42.000.000 đồng đến nay bà M chưa thanh toán cho ngân hàng (Bút lục số 35a – 35d).

Từ những cơ sở nêu trên thấy rằng bà M là bên đi vay và có nợ tiền gốc của ngân hàng số tiền 42.000.000 đồng là có thật, nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M trả nợ là có căn cứ để chấp nhận. Buộc bà M trả cho ngân hàng nợ gốc số tiền 42.000.000 đồng, tiền lãi (tính đến ngày 26/9/2022) trong hạn là 11.018.034 đồng, lãi quá hạn là 2.613.944 đồng, tổng cộng là 55.631.978 đồng.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của phía nguyên đơn được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch $55.631.978đ \times 5\% = 2.781.000$ đồng.

Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 290, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 3 Nghị quyết số: 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (người đại diện hợp pháp ông Trương Ngọc Tân) đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh M về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ánh M có trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách xã hội số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 26/9/2022 là 55.631.978 đồng (Năm mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn, chín trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó, nợ gốc 42.000.000 đồng, lãi trong hạn là 11.018.034 đồng, lãi quá hạn là 2.613.944 đồng.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Ánh M còn phải trả cho ngân hàng chính sách xã hội tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký số: 6600000701320980 ngày 13/5/2014 và số: 6600000701773390 ngày 23/6/2014 từ ngày 27/9/2022 đến khi tất toán xong nợ.

Các bên trực tiếp giao nhận tiền tại ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Ánh M phải chịu là 2.781.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn đồng).

Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng